

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02-6-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hương;
2. Bà Bàn Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Toà án nhân dân HUYỆN B, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân HUYỆN B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân HUYỆN B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị V T T sinh năm 1995.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn B C, xã B C, HUYỆN B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh H T H sinh năm 1994.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn B C, xã B C, HUYỆN B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị V T T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và H T H về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 đến ngày 06/3/2015 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B C, HUYỆN B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến tháng 10 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nuôi dạy con chung và làm ăn phát triển kinh tế gia đình, ngoài ra anh H còn nghiện hút trái phép chất ma túy chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không cai nghiện được. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình cùng chính quyền địa phương tham

gia khuyến bảo, hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Từ tháng 10/2018 cho đến nay vợ chồng chị sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Chị và anh H có hai con chung là các cháu H H Y sinh ngày 23/01/2015 và cháu H H M sinh ngày 25/8/2017 cả hai cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường hiện nay vợ chồng sống ly thân hai cháu đang ở cùng với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Y và cháu M cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung không vay nợ ai, không cho ai vay nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H nhất trí với chị T về thời gian, điều kiện, địa điểm, hoàn cảnh kết hôn, còn về nguyên nhân mâu thuẫn thì từ tháng 10/2020 đến tháng 10/2021 anh phải đi cai nghiện ma túy bắt buộc, tháng 11/2021 được trở về, theo anh nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T ghen tuông và còn nghi ngờ anh sau khi đi cai nghiện về vẫn nghiện chất ma túy. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án anh H không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành hoà giải được và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H theo thủ tục chung.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung họ tên, ngày tháng năm sinh như chị T trình bày là đúng, trường hợp phải ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 01 người con chung cháu nào cũng được.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh H không tham gia hoà giải nên về quan hệ hôn nhân; về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con anh chị không thoả thuận được với nhau nên Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ theo quy định của pháp luật để quyết định.

* Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đúng quy định của pháp luật;

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án Tranh chấp về hôn nhân gia đình;

+ Về xác định người tham gia tố tụng; thu thập tài liệu, chứng cứ: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng; lấy lời khai của bị đơn và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định;

+ Thời hạn giải quyết vụ án: Đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Việc chấp hành pháp luật của hội đồng xét xử sơ thẩm, thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan hệ hôn nhân xử cho chị V T T được ly hôn anh H T H. Về con chung xử giao cháu hai cháu H H Y sinh ngày 23/01/2015 và cháu H H M sinh ngày 25/8/2017 cho chị V T T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh H T H không phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

- Về án phí: Tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự đúng quy định pháp luật.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị T kiện ly hôn anh H, anh H đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn B C, xã B C, HUYỆN B do vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân HUYỆN B, tỉnh Lào Cai theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao cho các đương sự đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự, nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, giao thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho bị đơn và không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa này bị đơn vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh H có Đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 06/03/2015 tại UBND xã B C, HUYỆN B; vào thời điểm kết hôn anh chị không vi phạm về điều kiện kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Việc chị T kiện ly hôn anh H, Tòa án xét thấy:

Quá trình chung sống, theo chị T thì vợ chồng chỉ hòa thuận hạnh phúc cho đến tháng 10 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nuôi dạy con chung và làm ăn phát triển kinh tế gia đình, ngoài ra anh H còn nghiện hút trái phép chất ma túy chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không cai nghiện được, còn anh H cho rằng vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10 năm 2020 anh đi cai nghiện bắt buộc ma túy cho đến tháng 10 năm 2021 anh chấp hành xong Quyết định cai nghiện trở về, theo anh do chị T ghen tuông và nghi ngờ anh vẫn nghiện chất ma túy nên mới đề nghị ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do mâu thuẫn vợ chồng mà anh chị đã sống ly thân từ tháng

11/2021 đến nay. Qua xác minh tại Công an xã B C thấy rằng anh H mặc dù đi cai nghiện ma túy trở về nhưng vẫn nghiện chất ma túy. Do vậy việc chị T kiện ly hôn với anh H có căn cứ. Xét thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị V T T được ly hôn anh H T H.

[3] *Về nuôi con khi ly hôn*: Anh H và chị T đều thừa nhận có 02 con chung là cháu H H Y sinh ngày 23/01/2015 và cháu H H M sinh ngày 25/8/2017 cả hai cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay anh chị sống ly thân hai cháu đang trực tiếp ở với chị T nguyện vọng của chị T là được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, trường hợp ly hôn thì anh H có nguyện vọng nuôi 01 con chung cháu nào cũng được.

Hiện chị T làm nghề buôn bán thu nhập được bình quân 5.000.000 đồng/tháng; anh H nghiện chất ma túy và không có việc làm, không có thu nhập và sống phụ thuộc vào bố mẹ; xét đến quyền lợi về mọi mặt, sự phát triển về thể chất, tinh thần và về lâu dài của con, cháu Yến có nguyện vọng được trực tiếp ở với mẹ. Vì những căn cứ trên nên xử giao hai cháu H H Y và cháu H H M cho chị V T T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và các quy định khác của pháp luật.

[4] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*:

Do anh H nghiện ma túy không có việc làm, không có thu nhập, chị T có mức thu nhập bình quân 5.000.000 đồng/tháng, không đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn vẫn đảm bảo việc chị T nuôi dạy, ăn học và phát triển bình thường của các cháu.

[5] *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Chị V T T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị V T T được ly hôn với anh H T H.

2. *Về nuôi con khi ly hôn*: Giao hai cháu H H Y sinh ngày 23/01/2015 và cháu H H M sinh ngày 25/8/2017 cho chị V T T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Y và cháu M đủ 18 tuổi. Anh H T H không phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Chị V T T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002837 ngày 17/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự HUYỆN B, tỉnh Lào Cai. Chị V T T đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND H. B T (2);
- Chi cục THADS H. B T;
- UBND xã B C,
H. B T, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng

